

Lịch Vinh Cửu Trên Ngón Tay

Nguyễn Ngọc Nhơn

1/ Hình ngón tay trở với ba đốt và 7 vị trí chuẩn :

1970

Feb, March, Nov

X

1920

Aug x----- x June

1930,1980

1910, 1960

May x-----x Sept, Dec

1940

1950, 2000

Jan, Oct x-----x April,July

1900,1990

Ghi chú quan trọng :

1/ Trên ngón tay trở có 7 vị trí tương ứng với 7 ngày trong tuần. 12 tháng trong 1 năm mà chỉ có 7 chỗ, ngày 1 của các nhóm tháng (Feb- March- November), (Sept- Dec), (April- July), (Jan- Oct) đều cùng tên.

Các năm dương lịch ghi trên đây gọi là năm chuẩn của 9 năm kế tiếp, thí dụ 1950 là năm chuẩn của 1951, 1952, 1953 . . .1959.

2/ Để ý, cứ mỗi 2 năm chuẩn thì bỏ trống 1 ô : 1910, 1920, trống 1 ô, 1930, 1940, trống 1 ô, 1950, 1960, trống 1 ô, 1970, 1980 trống 1 ô, 1990, 2000 trống 1 ô, 2010, 2020, trống 1 ô

3/ Trong 1 tháng, ngày 1 là ngày thứ mấy thì các ngày 8, 15, 22, 29 cũng giống như vậy.

4/ Các năm chia chắn cho 4 là năm nhuận. Riêng các năm tận cùng bằng 2 số không (tạm gọi là đầu thế kỷ cho tiện, chỉ nhuận khi 2 số đầu của năm (millésime) là bội số của 4 : 1700, 1800, 1900, 2100, 2200 không nhuận. Trái lại, 1600, 2000, 2400 . . .nhuận. Đúng ra, năm bắt đầu thế kỷ phải là năm kế tiếp thí dụ 2001 vì khởi thủy không có năm zero.

5/ Vị trí các năm chuẩn nhuận : 1920, 1940, 1960, 1980, 2000 đã được cộng sẵn 1 ngày 29/2. Cho nên, tìm ngày sanh trong các tháng Jan, Feb của các năm nhuận, chuẩn này , **phải nhớ lấy kết quả tìm ra trừ đi 1.**

Phương Pháp :

Lấy ngày sanh của mình cho dễ nhớ, thí dụ : ngày 4 tháng 2 (Feb) năm 1949

1/ Đem ngày sanh cộng với hàng đơn vị của năm sanh => $4 + 9 = 13$

2/ Dùng ngón cái bấm vào ngay tháng sanh Feb (đầu ngón tay trở) miệng đọc 13. Khởi từ tháng sanh đó, đếm thuận chiều đến năm chuẩn: **cứ mỗi ô thì trừ bớt đi 1.** Năm chuẩn của 1949 là 1940. Đếm : 13 rồi 12 rồi 11 thì tới ô năm chuẩn 1940, ngừng lại, được số 11 (kết quả 1) *Khi nào nắm vững cách tính, có thể đếm ngược chiều nhưng phải cộng thêm 1 vào mỗi ô.*

3/ Từ năm chuẩn đến năm sanh 1940 → 1949 có 2 năm nhuận : 1944, 1948.

Cộng thêm số nhữn 2 này vào (kết quả 1) : $11 + 2 = 13$ (kết quả 2) Nếu không có năm nhữn thì bỏ qua(thí dụ như 1941, 1942, 1943. Trái lại, 1945, 1946, 1947 phải cộng thêm 1 ngày)

4/ Đem trừ kết quả 3 cho 7 hoặc 14, 21, 28, 35 (Modulo de 7) : Dư số sẽ là tên ngày!

Dư số là → 1: chúa nhật ; 2 : thứ hai ; 3 : thứ ba . . . 7 hoặc zéro là thứ bảy.

Như trên, ta có : 13 trừ 7 còn dư lại 6. Vậy, 4/ 02/1949 là ngày thứ sáu.

Một khi đã nhớ thuộc lòng các chuẩn trên ngón tay, chỉ cần vài giây là tìm ra kết quả.

xxxxx

Dùng thế kỷ 20 (1900 -1999) làm chuẩn

Tìm ra tên ngày thuộc các thế kỷ khác

bằng cách lấy kết quả cộng thêm hoặc trừ bớt như sau :

15/10/1582 >31/12/1599	1600 1699	1700 1799	1800 1899	1900 1999	2000 2099	2100 2199	2200 2299	2300 2399
Chuẩn	+6	+ 4	+ 2	Chuẩn	-1	- 3	-5	Chuẩn

Thí dụ : 4/ 2/ 1949 là ngày thứ sáu.

4/ 2/ 1849 => thứ sáu + 2 =>chúa nhật ; 4/ 2/ 1749 → thứ sáu + 4 => thứ ba

4/ 2/ 2049=> thứ sáu – 1 => thứ năm ; 4/ 2/ 2149 => thứ sáu + 6 => thứ năm

Cứ 4 năm thì trở lại bằng chuẩn : ngày 4/ 2/ 2349, 2749, 3149 đều là ngày thứ sáu như năm 1949.

Nhắc lại : Một năm có 365, 242196 ($365 + \frac{1}{4} - 1/100 + 1/400 - 3/ 10000$)Ngày 4/ Oct 1582 là ngày thứ 5. Sang ngày kế thứ sáu tăng thêm 10 ngày thành 15/ Oct 1582 (Đức Giáo Hoàng Grégoire) .

Đối với cách tính ngày trước 4/ 10/ 1582 :

1900 1999	1500 4/ 10/1582	1400 1499	1300 1399	1200 1299	1100 1199	1000 1099	900 999	800 899	700 799
Chuẩn	+3	+4	+5	+6	Chuẩn	+1	+2	+3	+4

Sở dĩ có sự khác biệt này là do cách tính lịch Julien (Jules Cesar) trước 4/10 /1582, các năm tận cùng bằng 2 con số không đều nhữn (xử dụng 365,25 ngày thay vì 365,242196).

Trong lúc trà dư tửu hậu, bạn bè, ai đó cho mình biết ngày tháng năm sanh của họ mà mình nói liền là ngày thứ mấy thì không khí sẽ vui lên hẳn.

Tác giả : Nguyễn Ngọc Nhơn (Hàng Hải Thương Thuyền VN)